

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 28/02/2020

“V/v: *Kiện tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sứ
2. Ông Hoàng Tuyển

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020. Tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-DS, ngày 07/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS, ngày 21 ngày 02 tháng 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn T. Có mặt
Địa chỉ: TDP 9, thị trấn D, huyện E, Đắk Lắk.
2. *Bị đơn:* Ông Trương Sỹ Tr. (Vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea Sol, huyện E, Đắk Lắk.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea Sol, huyện E, Đắk Lắk. (Vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trịnh Văn T trình bày:**

Từ năm 2018 đến tháng 01 năm 2019 vợ chồng ông Trương Sỹ Tr và bà Lê Thị V có mua phân bón của tôi nhiều lần và hiện nay còn nợ tổng số tiền là 124.704.500 đồng và khi mua bán có làm hợp đồng với nhau, ông Tr bà V có ký vào hợp đồng mua bán và phải chịu lãi suất 6%/tháng/nợ. Tuy nhiên, đã đến hạn trả nợ

nhưng ông Tr bà V không chịu trả cho tôi, mặc dù tôi đã đến đòi nhiều lần. Tổng số nợ là 264.112.000 đồng, trong đó 207.212.000 đồng ông Tr bà V phải thanh toán vào ngày 15/12/2018, số còn lại 56.900.000 đồng thanh toán vào ngày 20/01/2019. Đến hạn trả nợ ông Tr bà V không thanh toán như đã hẹn mà chỉ thanh toán được tổng số tiền là 105.000.000 đồng và tiền tôi thu phân về là 34.407.500 đồng. Tổng số tiền ông Tr bà V đã trả cho tôi là 139.407.500 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Tr bà V phải trả số tiền gốc 124.704.500 đồng và tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc và nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Sỹ Tr trình bày:*

Tôi thừa nhận những lời trình bày nêu trên của ông T là đúng sự thật: Từ năm 2018 đến tháng 01 năm 2019 tôi có mua phân bón của ông T nhiều lần và hiện nay còn nợ ông T tổng số tiền là 124.704.500 đồng và khi mua bán có làm hợp đồng với nhau, tôi và vợ tôi có ký vào hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, đã đến hạn trả nợ cho ông T nhưng không trả được vì hoàn cảnh khó khăn.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền gốc 124.704.500 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật, thì vợ chồng tôi đồng ý. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn nên tôi đề nghị được trả nhiều lần dần.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Lê Thị V thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và lời trình bày của chồng mình là ông Trương Sỹ Tr, không bổ sung vấn đề gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện E xác định là đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và thụ ý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[1] Trong các năm 2018 đến và năm 2019 ông Trương Sỹ Tr và bà Lê Thị V có mua phân bón ông Trịnh Văn T nhiều lần và hiện nay còn nợ tổng số tiền là 124.704.500 đồng, khi mua bán có làm hợp đồng với nhau và thỏa thuận lãi suất 6%/tháng/nợ. Vì vậy, cần chấp nhận hình thức giấy nợ mua bán phân đã được xác lập giữa ông Tr bà V và ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 119 Bộ luật dân sự.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Tr bà V phải trả số tiền gốc 124.704.500 đồng và tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc và nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của ông T yêu cầu ông Tr bà V phải trả số tiền 124.704.500 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Tr bà V đều thừa nhận có nợ của ông T số tiền 124.704.500 đồng, nên phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc ông Tr bà V có nợ của ông T số tiền 124.704.500 đồng là có thật. Nay ông Tr bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, ông Tr bà V chấp nhận trả nợ cho ông T và xin trả dần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả nợ. Vì vậy, cần buộc ông Tr bà V phải trả cho ông T số nợ 124.704.500 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại các hợp đồng mua bán phân, các bên thỏa thuận về lãi suất là 6%/tháng/nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết. Tuy các bên có thỏa thuận về lãi là 6%/tháng/nợ, đây là mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nên chỉ xem xét mức lãi suất theo quy định của pháp luật

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Tại biên bản đối chiếu hợp đồng mua bán các loại phân bón nợ năm 2018 - 2019 ngày 23/4/2019; Biên bản đối chiếu thu phân trừ tiền nợ phân 100% năm 2018-2019 ngày 21/6/2019 thể hiện hai bên đã đối chiếu số nợ tiền mua bán phân, số nợ lại và hẹn đến ngày 23/6/2019 sẽ thanh toán hết số nợ. Nhưng đến hẹn ông Tr và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, cần buộc ông Tr và bà V phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền 124.704.500 đồng đồng kể từ thời điểm quá hạn trả nợ, ngày 23/6/2019 đến ngày xét xử 28/02/2020 là 08 tháng 05 ngày, lãi suất được tính như sau: 124.704.500 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng 05 ngày = 16.905.773 đồng.

Ngày 15/7/2019 ông Tr bà V đã trả được 10.000.000 đồng tiền lãi suất. Vì vậy ông Tr bà V phải trả cho ông T tiền lãi suất còn lại là: 6.905.773 đồng.

[4] Cần buộc ông Tr bà V phải trả cho ông T tổng số tiền: 124.704.500 đồng + 6.905.773 đồng = 131.610.273 đồng.

[5] Về án phí: Ông Trương Sỹ Tr và bà Lê Thị V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn T. Buộc ông Trương Sỹ Tr và bà Lê Thị V phải trả cho Trịnh Văn T tổng số tiền 131.610.273 đồng (Trong đó nợ gốc 124.704.500 đồng và tiền lãi suất chậm trả 6.905.773 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trương Sỹ Tr và bà Lê Thị V còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Trương Sỹ Tr và bà Lê Thị V phải chịu số tiền 6.580.513 đồng án phí DSST. Trả lại cho ông Trĩ Văn T số tiền 3.117.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số 0001248 ngày 03/12/2019.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trương Sỹ Tr và bà Lê Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện EaH'leo;
- Thi hành án huyện EaH'leo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Xuân Cường